

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 16/4/BVĐHYD-QTTN

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp bóng đèn và vật tư điện năm 2022-2023 theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp bóng đèn và vật tư điện năm 2022-2023
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 10 giờ, ngày 12/8/2022.
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà, hầm 2, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.HCM. Người liên hệ: Anh Dũng Số điện thoại: 028.39525150

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

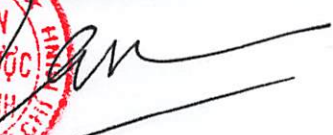
- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J16-195-dtthuy) (3).

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Phạm Văn Tấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn mời chào giá số: ~~614~~ /BVĐHYD-QTTN ngày 05/ 8 / 2022)

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
1	Bóng đèn LED tube 0,6m 9W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 9W - 11W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$, thân nhôm chụp nhựa mờ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước: $600\text{mm} \pm 12 \times \varnothing 32\text{mm} \pm 2$	Cái	154
2	Bóng đèn LED tube 1,2m 18W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 18W - 20W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$, thân nhôm chụp nhựa mờ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước: $1200\text{mm} \pm 12 \times \varnothing 32\text{mm} \pm 2$	Cái	746
3	Bóng đèn LED compact 9W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 8W - 12W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ	Cái	440
4	Bóng đèn LED compact 14W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 13W - 17W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27- Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ	Cái	176

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
5	Đèn LED thanh 17W 12VDC	- Điện áp: 12VDC - Công suất: 15W - 20W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Sử dụng chip LED SMD - Kích thước: dài 1 mét ± 0.05 - Tuổi thọ: ≥ 10.000 giờ	Thanh	54
6	Đèn LED module 1.5W 12VDC	- Điện áp: 12VDC - Công suất: 1.0W - 2.0W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Sử dụng chip LED 5730 - Kích thước: (70mm x 15mm) ± 2 - Tuổi thọ: ≥ 10.000 giờ	Cái	20
7	Bộ đèn LED downlight 3W $\phi 60$	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 3W - 4W - Ánh sáng vàng: $\geq 4500 K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 70 \text{ Lm/W}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 80 \text{ Ra}$ - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: $\phi 90\text{mm} \pm 2$ - Kích thước: ($\phi 110\text{mm} \times 56\text{mm}$) ± 2	Bộ	13
8	Bộ đèn LED downlight 5W $\phi 75$	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 5W - 6W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Quang thông: $\geq 450 \text{ Lm}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 85 \text{ Ra}$ - Sử dụng chip LED: Bridgelux/Epistar - Góc mở: có thể xoay - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: $\phi 75\text{mm} \pm 2$ - Kích thước: ($\phi 90\text{mm} \times 57\text{mm}$) ± 2	Bộ	13
9	Bộ đèn LED downlight 12W $\phi 145$	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 12W - 13W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 100 \text{ lm/W}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 80 \text{ Ra}$ - Quang thông: $\geq 1320 \text{ Lm}$ - Tuổi thọ: ≥ 25.000 giờ - Sử dụng chip Led:	Bộ	53

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		Bridgelux/Samsung - Kích thước lỗ khoét: Ø145mm ± 2 - Kích thước: (Ø 157 x 40 mm) ± 2		
10	Bộ đèn LED downlight 20W φ165	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 18W - 22W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Quang thông: ≥ 1800 Lm - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Sử dụng chip Led: Bridgelux/Epistar - Kích thước lỗ khoét: Ø165mm ± 2 - Kích thước: (Ø 180 x 70 mm) ± 2	Bộ	20
11	Bộ đèn Pha LED 30W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất 30W - 32W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 100 lm/W - Độ hoàn màu: ≥ 70Ra - Quang thông ≥ 3000 Lm - Tính năng chống nước: IP 65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Bộ	22
12	Bộ đèn Pha LED 100W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất 90W - 110W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 100 lm/W - Độ hoàn màu: ≥ 70Ra - Quang thông ≥ 5000 Lm - Tính năng chống nước: IP 65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Bộ	1
13	Bộ đèn LED T5 0,6m	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 7W - 9W - Kích thước bóng: ≥ 600mm ± 20 - Quang thông: ≥ 600Lm - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80Ra - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Tuổi thọ: ≥ 15.000 giờ chiếu sáng	Bộ	352
14	Bộ đèn quang hợp 100W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 30W - 100W - Hiệu suất: ≥ 85 lm/W - Góc chiếu: ≥ 160°	Bộ	2

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		- Quang thông: ≥ 50.000 Lm - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Đuôi đèn: E27 - Kích thước: $(122 \times 122 \times 192 \text{ mm}) \pm 2$		
15	Đèn để bàn 4.5W	- Công suất: 4,5W - 5.5W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Quang thông: 150 Lm - 350 Lm - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ - Kích thước Cản đèn: $28\text{cm} \pm 2$; - Chiều cao: $29\text{cm} \pm 2$	Bộ	22
16	Đèn LED $\Phi 110$ ánh sáng vàng (Hội trường)	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 10W - 12W - Quang thông: ≥ 977 Lm - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Lỗ khoét: $\Phi 110 \text{ mm} \pm 2$ - Kích thước: $(\Phi 142 \times H 35\text{mm}) \pm 2$	Bộ	11
17	LED panel 600x600	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất 40W - 45W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Độ hoàn màu: ≥ 80 Ra - Hiệu suất: $\geq 110\text{lm/W}$ - Quang thông: ≥ 4000 Lm - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: tản nhiệt nhôm hợp kim - Kích thước: $(602 \times 602 \times 10 \text{ mm}) \pm 2$	Bộ	30
18	Cáp 1xC1,5mm2	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm^2 - Cấp điện áp U_0/U: $\geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$	mét	1500
19	Cáp 1x3C1,5mm2	- Tiết diện danh nghĩa: $1.5\text{mm}^2/1$ sợi - Cấu tạo: 3 sợi, có 1 sợi xanh sọc vàng - Cấp điện áp U_0/U: $\geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$	mét	1100

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
20	Cáp 1xC2,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 2.5mm² - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 0.8mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C	mét	3000
21	Cáp 1xC4mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 4.0mm² - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 1mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C	mét	3300
22	Cáp 1xC6mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 6.0mm² - Cấp điện áp U₀/U: ≥ 0.6/1KV - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 1mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C	mét	1700
23	Cáp chống cháy 1x1,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm² - Chiều dày cách điện danh định: ≥ 1.4mm - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: ≥ 70°C - Đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1, TCVN 6612/ IEC 60228	mét	1200
24	Cáp điện thoại 2x2x0,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: ≥ 0.5mm² - Cấu tạo: 2 đôi dây (4 sợi) - Hình dạng: dẹp	mét	1100
25	Công tắc đơn 1 chiều 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: ≥ 16A - Cách đấu dây: ghim (Cắm nhanh) - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng - Bật tắt: có ký hiệu - Kích thước DxRxH: 40x22.7x25.7 (mm)	Cái	73
26	Box vuông âm 80x80x42.5mm	- Kích thước: 80 x 80 x 42.5 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	Cái	92

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
27	Box vuông nổi 120x115x35mm	- kích thước: 120 x 115 x 35 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	Cái	132
28	Box vuông âm 150x150x42.5mm	- kích thước: 150 x 150 x 42.5 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	Cái	20
29	Mặt lắp 1 thiết bị	- Để lắp đặt: đế vuông đơn - Sản phẩm: dùng cho 1 thiết bị (kích thước 40x22.7x25.7 (mm)) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài 86x86 (mm); trong 36.5x23.2 (mm)	Cái	66
30	Mặt lắp 2 thiết bị	- Để lắp đặt: đế vuông đơn - Sản phẩm: dùng cho 2 thiết bị (kích thước 40x22.7x25.7 (mm)) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài 86x86 (mm); trong 36.5x46.2 (mm)	Cái	80
31	Mặt lắp 3 thiết bị	- Để lắp đặt: đế vuông đơn - Sản phẩm: dùng cho 3 thiết bị (kích thước 40x22.7x25.7 (mm)) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài 86x86 (mm); trong 36.5x69.2 (mm)	Cái	106
32	Mặt lắp 6 thiết bị	- Để lắp đặt: đế đôi - Sản phẩm: dùng cho 6 thiết bị (kích thước 40x22.7x25.7 (mm)) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài 116x120 (mm); trong 2 ô: 36.5x69.2 (mm)	Cái	106
33	Ô cắm điện đôi 3 chấu 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16A$ - Chất liệu: nhựa, đồng - Cách đấu dây: ghim (Cắm nhanh) - Màu sắc: trắng - Màng che bảo vệ: có	Cái	286

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		- Kích thước: DxRx C: 68.7x38x30.7 (mm)		
34	Ổ cắm điện di động 5 vị trí cắm 1 công tắc	- Chiều dài cáp 3m, Vỏ dây điện cấu tạo 2 lớp - Sử dụng chất liệu tiêu chuẩn TIS - Loại 5 ổ cắm 3 chấu, có màn che - 1 công tắc phụ - Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16A$	Cái	22
35	Phích cắm điện 3 chấu 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 20A$	Cái	132
36	Ống PVC $\Phi 20$ 2,92m/Cây	- Chiều dài: $\geq 2.92m$ - Đường kính ngoài: 20mm - Độ dày: $\geq 1.9mm$ - Chất liệu: PVC - Lực nén: $\geq 1250N$ - Màu sắc: trắng	Cây	176
37	Ống PVC $\Phi 25$ 2,92m/Cây	- Chiều dài: $\geq 2.92m$ - Đường kính ngoài: 25mm - Độ dày: $\geq 1.9mm$ - Chất liệu: PVC - Lực nén: $\geq 1250N$ - Màu sắc: trắng	Cây	66
38	Ống ruột gà $\Phi 20$ 40m/cuộn	- Chiều dài: 40m/cuộn - Đường kính: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	cuộn	26
39	Ống ruột gà $\Phi 25$ 40m/cuộn	- Chiều dài: 40m/cuộn - Đường kính: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	cuộn	20
40	Rắc co $\Phi 20$ 100 cái/gói	- Đường kính trong: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	4
41	Rắc co $\Phi 25$ 100 cái/gói	- Đường kính trong: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	2

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
42	Nối ống Φ20 100 cái/gói	- Đường kính trong: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	4
43	Nối ống Φ25 100 cái/gói	- Đường kính trong: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	2
44	Nối ống Φ32 100 cái/gói	- Đường kính trong: 32mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	1
45	Kẹp ống Φ20 100 cái/gói	- Tên gọi khác: kẹp chữ C - Đường kính trong: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	6
46	Kẹp ống Φ25 100 cái/gói	- Tên gọi khác: kẹp chữ C - Đường kính trong: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	4
47	Máng đèn Led 1,2m	- Loại: máng đèn đơn 1.2 mét, T8 - Chất liệu: sắt và nhựa sơn tĩnh điện.	Cái	84
48	Contactor 3P 9A (AC3)	- Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp hệ thống: 380V, 50Hz. - Dòng điện định mức: 9A - Tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Cái	4
49	Contactor 3P 12A (AC3)	- Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp hệ thống: 380V, 50Hz. - Dòng điện định mức: 12A - Tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Cái	4
50	Contactor 3P 25A (AC3)	- Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp hệ thống: 380V, 50Hz. - Dòng điện định mức: 25A - Tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Cái	4
51	Contactor 3P 32A (AC3)	- Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp hệ thống: 380V, 50Hz. - Dòng điện định mức: 32A - Tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Cái	4

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
52	MCB 1P 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 16A - Số cực: 1P - Dòng cắt: ≥ 6 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	13
53	MCB 2P 25A	- Điện áp định mức: 400VAC - 450VAC - Dòng điện định mức: 25A - Số cực: 2P - Dòng cắt: ≥ 6 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	5
54	MCB 3P 16A	- Điện áp định mức: 400VAC - 450VAC - Dòng điện định mức: 16A - Số cực: 3P - Dòng cắt: ≥ 6 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	5
55	ELCB 2P 20A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 20A - Dòng rò: ≤ 30mA - Số cực: 2P - Dòng cắt: ≥ 4.5 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	5
56	MCCB 3P 100A	- Điện áp định mức: 440VAC - 500VAC - Dòng điện định mức: 100A - Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 KA - Số cực: 4P - Chất liệu: nhựa, Đồng	Cái	1
57	Relay 4 tiếp điểm 220VAC 2A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC	Cái	15

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		- Dòng điện định mức: 6A - Số chân: 14 - Số tiếp điểm: 4NO, 4NC		
58	Cuộn coil solenoid dùng cho tưới cây	- Điện áp: 220VAC - 240VAC. 50Hz - Dòng điện định mức: ≤ 60 mA - Công suất: 4VA - 6VA - Dây quấn cuộn coil: đồng - Sử dụng được các cỡ ống $\varnothing 21$, $\varnothing 27$, $\varnothing 34$	Cái	13
59	Timer 24 giờ	- Điện áp hoạt động: 220VAC - 250VAC, 50Hz - Công suất: ≥ 2500W - Hẹn giờ: 17 lần ON và 17 lần OFF - Chế độ: tự động, mở và tắt - Tích hợp pin dự phòng cho chương trình thời gian	Cái	9
60	Timer 60 phút	- Loại 8-chân - Nguồn cấp: 100VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Ngõ ra role DPDT - Thang đo: 0.05s ~ 30h - Kích thước D x R: 48mm x 48mm - Tiêu chuẩn: UL, CSA, EN	Cái	4
61	Bo mạch nguồn 12VDC 5A không vỏ (dùng cho đèn exit)	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: ≥ 5A - Bảo vệ quá tải ngõ ra: có - Công suất: ≥ 50W - Chỉ có mạch nguồn, không có vỏ	Bộ	50
62	Bộ nguồn 12VDC 5A (dùng cho đèn bảng hiệu)	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: ≥ 5A - Bảo vệ quá tải ngõ ra: có - Công suất: ≥ 50W	Bộ	40
63	Bộ nguồn 12VDC 50A	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: ≥ 50A - Bảo vệ quá tải ngõ ra: có	Bộ	4

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		- Công suất: $\geq 600W$		
64	Quạt hút giải nhiệt tủ điện 200x200	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 0.45 A$ - Công suất: $\geq 70 W$ - Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút - Lưu lượng gió: $\geq 285 CFM$ ($\sim 484.5 m^3/h$) - Độ ồn: $\leq 60 dB$ - Kích thước; 200mm x 200mm	Cái	11
65	Tủ điện 6 module	- Kích thước: 257mm x 244mm x 98mm - Số đường: 06 đường - Chất liệu: kim loại - Loại: Âm tường - Cấp độ chống va đập cơ khí: IK07 - Độ cách ly điện: Cấp 2	Bộ	11
66	Rơ le nhiệt điện tử 3-30A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 3 ... 30 (A)	Cái	2
67	Rơ le nhiệt 4-6A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chip xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 4 ... 6 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	Cái	4
68	Rơ le nhiệt 5.5-8A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 5.5 ... 8 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	Cái	4
69	Rơ le nhiệt 9-13A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V	Cái	4

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		- Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 9...13 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm		
70	Rơ le nhiệt 0.63-1A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 0.63...1 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	Cái	4
71	Rơ le nhiệt 1-1.6A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 1...1.6 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	Cái	4
72	Hạt điện thoại	- Chức năng: ổ cắm điện thoại - Màu sắc: trắng	Cái	30
73	Đầu RJ45 CAT6 100 cái/gói	- Chung loại: RJ45 - Chuẩn: CAT 6 - Chân tiếp xúc: hợp kim đồng	Gói	1
74	Đầu RJ11 bấm dây xoắn, tai nghe 100 cái/ gói	- Chung loại: RJ11 - Chân tiếp xúc: hợp kim đồng	Gói	3
75	Loa âm trần 6W	- Điện áp định mức: 100V - Công suất tối đa: 9W - Công suất định mức: 6W - Nhiệt độ làm việc: -25°C đến 55°C - Độ ẩm làm việc: < 95% - Đường kính loa: Ø 216mm - Đường kính lỗ khoét: Ø 196mm - Màu sắc: trắng - Chứng nhận: EN 54-24	Cái	4
76	Micro không dây	- Kiểu micro: micro tụ điện đơn hướng - Dải tần số sóng mang: 576MHz - 865MHz - Số kênh: 64 kênh - Công suất cao tần: ≤ 50mW	Cái	6

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		- Đầu vào tối đa: 126dB SPL (độ nhạy micro) - Đáp tuyến tần số: 100Hz - 15kHz - Đèn báo: đèn nguồn, pin - Loại pin: pin AA - Nhiệt độ làm việc: -10°C đến 50°C - Độ ẩm làm việc: 30% đến 85% - Tiêu chuẩn EMC: EN 301 489-1 V1.8.1: EN 301 489-9 V1.4.1 - Sản phẩm: tương thích với bộ thu Toa WM-5800		
77	Bộ thu UHF micro không dây	- Điện áp: 120VAC - 240VAC - Dòng điện tiêu thụ: 200 mA - 260 mA (12V DC) - Tần số thu: 636 MHz - 698 MHz (UHF) - Số kênh: 64 kênh - Ngõ ra âm thanh: -60dB (MIC). - 20dB (LINE) - Ngõ vào anten: 75 Ω, BNC - Ngõ ra anten: 75 Ω, BNC - Đáp ứng tần số âm thanh: 100 Hz - 15 KHz - Nhiệt độ làm việc: - 10°C đến 50°C - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đen - Sản phẩm: tương thích với micro Toa WM-5225	Bộ	2
78	Bộ anten chuyển tiếp UHF cho micro	- Điện áp: 7VDC - 12VDC - Dòng điện: ≤ 15mA - Tần số thu: 550MHz - 930MHz, UHF - Độ lợi: ≥ 8dB - Trở kháng ngõ ra: 75Ω - Chất liệu: nhựa, trắng - Sản phẩm: tương thích với bộ thu Toa WM-5800	Bộ	1
79	Power Amplifier 4 kênh x 500W	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50/60Hz - Công suất: ≥ 2350W, ngõ ra định mức 4 kênh x 100V line, 20Ω	Cái	1

ch

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		- Đầu vào: 4 kênh - Đầu ra: 4 kênh x 500W - Đáp ứng tần số âm thanh: 50Hz - 20KHz - Bảo vệ: ngắn mạch, quá tải - Đèn báo: báo nguồn, đầu vào, đầu ra, đỉnh - Nhiệt độ làm việc: -10°C đến 40°C - Kích thước sản phẩm: 482 x 88.4 x 404.2 mm (R x C x D) - Chất liệu sản phẩm: vỏ nhôm - Màu sắc: đen		
80	Micro bàn dùng cho hệ thống PA	- Điện áp: 20VDC - 30VDC - Ngõ ra: 600Ω, - Kết nối được với: FS-7000CP - Đáp ứng tần số âm thanh: 100Hz - 20KHz - Điều khiển ngõ ra: 10 vùng	Bộ	1
81	Bộ micro và loa cầm tay	- Điện áp: 9VDC - Dòng điện tiêu thụ: $\leq 450\text{mA}$ - Công suất: $\leq 15\text{W}$ - Đáp ứng tần số âm thanh: 100Hz - 10kHz - Sản phẩm bao gồm: micro đeo tai, adaptor AC-DC 220VAC - 9VDC	Bộ	5
82	Bộ xử lý tín hiệu kỹ thuật số	- Điện áp: 100VAC - 240VAC, 50/60Hz - Công suất: $\leq 45\text{W}$: - Đáp ứng tần số âm thanh: 20 Hz - 20 KHz - Tần số mẫu: 48 KHz - Chuyển đổi A/D và D/A: $\geq 24\text{bit}$ - Tần số méo hài: $\leq 0.05\%$ ở 1 kHz - Đầu vào: 2 kênh cân bằng - Đầu ra: 6 kênh, phối hợp trở kháng: 600 Ω	Bộ	2
83	Dây xoắn điện thoại (dây tai nghe) (R22 - 4p4c)	- Cổng kết nối: RJ11 - Chiều dài danh định: 35cm - 45cm - Chiều dài lúc kéo dẫn: $\geq 1.5\text{m}$ - Màu sắc: đen hoặc trắng	Sợi	100

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
84	Điện thoại bàn	- Kiểu điện thoại: Cố định treo tường hoặc để bàn - Bộ nhớ Chức năng: gọi lại số gần nhất. - Âm thanh: có nút chỉnh âm thanh - Chuông: có nút chỉnh to nhỏ - Màu sắc 2 màu: Trắng hoặc đen	Cái	100
85	Điện thoại bàn có màn hình hiển thị	- Màn hình hiển thị LCD - Cho phép hiển thị số điện thoại gọi đến, gọi đi - Lịch sử cuộc gọi: Lưu được ≥ 50 số - Có thể quay lại số (Redial) cuộc gọi gần nhất. - Có chức năng chuyển máy - Có thể để bàn hoặc treo tường. - Màu sắc: Đen hoặc Trắng.	Cái	3
86	Điện thoại bàn không dây	- Kiểu điện thoại: điện thoại bàn không dây - Thời gian chờ ≥ 180 giờ - Thời gian thoại: ≥ 10 giờ - Bộ nhớ: ghi được ≥ 50 tên và số - Màu sắc: đen hoặc trắng	Cái	2
87	Bộ bấm số thứ tự (QMS)	- Bàn số tiêu chuẩn 10 chữ số (0..9), 6 phím chức năng (Enter, Cancel, F1..F4) - Bảng LED hiển thị số gồm 6 led 7 đoạn - Kết nối bộ hiển thị bằng cổng RJ45 - Sản phẩm: tương thích với bộ hiển thị	Bộ	5
88	Bộ hiển thị số thứ tự (QMS)	- Bảng LED hiển thị bốn chữ số - Kích thước LED: 48mm x 70mm (R x D) - Kết nối bộ bấm số và Hub bằng cổng RJ45 - Sản phẩm: tương thích với bộ bấm số thứ tự và Hub	Bộ	5
89	Hub QMS 16 cổng	- Bộ xử lý trung tâm gồm: 16 cổng RJ45 - Bộ xử lý trung tâm có thể lập trình - Kết nối máy tính bằng cổng RS232	Bộ	1

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	số lượng
		- Kết nối bộ hiển thị bằng cổng RJ45 - Sản phẩm tương thích với bộ hiển thị số thứ tự - Sản phẩm bao gồm: bộ nguồn 12VDC 10A. Bộ timer chỉnh giờ, chỉnh thời gian tắt mở thiết bị		
96	Công tắc áp suất máy hút chân không khu B	- Nguồn điện sử dụng: 220Vac-240Vac - Dải áp suất: 0 đến (-1) bar - Kết nối: dạng ren, đường kính ống 21mm - Nguyên lý hoạt động: khi áp suất âm tăng lên đến giá trị cài đặt sẽ tác động tiếp điểm để gọi máy hút chạy. Khi máy chạy áp suất âm giảm xuống đến giá trị cài đặt sẽ tác động tiếp điểm để máy hút dừng - Kiểu: dạng đồng hồ, có 1 kim cài đặt ngưỡng chạy máy, 1 kim cài đặt ngưỡng dừng máy, 1 kim theo dõi áp suất tức thời	Cái	1
97	Van điều áp cho máy nén khí khu B	- Khả năng chịu áp: 15 bar - Khả năng điều áp: 0,5-8 bar - Vật liệu: nhôm hợp kim - Kết nối: dạng ren, đường kính ống 21 mm	Cái	1
98	Bơm nước giải nhiệt máy hút chân không khu B	- Nguồn điện: 220Vac-240Vac - Công suất điện: 20W - Lưu lượng: 1400 lít/giờ - Chiều cao cột áp: 1,2m - Loại bơm: bơm chìm	Cái	2
99	Van xả nước tự động máy nén khí khu B	- Nguồn điện: 220Vac-240Vac - Áp suất tối đa: 10 bar - Chu kỳ xả: 0,5 đến 45 phút (cài đặt) - Thời gian xả: 0,5 đến 10 giây (cài đặt) - Kết nối: dạng ren, đường kính ống 21mm - Vật liệu: Thân van bằng đồng thau	Cái	1

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-QTTN ngày/...../2022 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
1	Bóng đèn LED tube 0,6m 9W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 9W - 11W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$, thân nhôm chụp nhựa mờ - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước: $600mm \pm 12 \times \varnothing 32mm \pm 2$	Cái	154		
2	Bóng đèn LED tube 1,2m 18W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 18W - 20W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$, thân nhôm chụp nhựa mờ - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước: $1200mm \pm 12 \times \varnothing 32mm \pm 2$	Cái	746		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
3	Bóng đèn LED compact 9W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 8W - 12W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ	Cái	440		
4	Bóng đèn LED compact 14W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 13W - 17W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Hệ số hoàn màu: ≥ 80 - Sử dụng chip LED SMD - Thân bóng làm bằng sứ - Đuôi vặn: E27- Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ	Cái	176		
5	Đèn LED thanh 17W 12VDC	- Điện áp: 12VDC - Công suất: 15W - 20W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Sử dụng chip LED SMD - Kích thước: dài 1 mét ± 0.05 - Tuổi thọ: ≥ 10.000 giờ	Thanh	54		
6	Đèn LED module 1.5W 12VDC	- Điện áp: 12VDC - Công suất: 1.0W - 2.0W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Sử dụng chip LED 5730 - Kích thước: (70mm x 15mm) ± 2 - Tuổi thọ: ≥ 10.000 giờ	Cái	20		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
7	Bộ đèn LED downlight 3W ϕ 60	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 3W - 4W - Ánh sáng vàng: ≥ 4500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 70 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: $\phi 90\text{mm} \pm 2$ - Kích thước: ($\phi 110\text{mm} \times 56\text{mm}$) ± 2	Bộ	13		
8	Bộ đèn LED downlight 5W ϕ 75	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 5W - 6W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Quang thông: ≥ 450 Lm - Chỉ số hoàn màu: ≥ 85 Ra - Sử dụng chip LED: Bridgelux/Epistar - Góc mở: có thể xoay - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: $\phi 75\text{mm} \pm 2$ - Kích thước: ($\phi 90\text{mm} \times 57\text{mm}$) ± 2	Bộ	13		
9	Bộ đèn LED downlight 12W ϕ 145	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 12W - 13W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 100 lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Quang thông: ≥ 1320 Lm - Tuổi thọ: ≥ 25.000 giờ - Sử dụng chip Led: Bridgelux/Samsung - Kích thước lỗ khoét: $\phi 145\text{mm} \pm 2$ - Kích thước: ($\phi 157 \times 40 \text{ mm}$) ± 2	Bộ	53		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
10	Bộ đèn LED downlight 20W ϕ 165	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 18W - 22W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ lm/W}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 80 \text{ Ra}$ - Quang thông: $\geq 1800 \text{ Lm}$ - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Sử dụng chip Led: Bridgelux/Epistar - Kích thước lỗ khoét: $\text{Ø}165\text{mm} \pm 2$ - Kích thước: ($\text{Ø} 180 \times 70 \text{ mm}$) ± 2	Bộ	20		
11	Bộ đèn Pha LED 30W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất 30W - 32W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 100 \text{ lm/W}$ - Độ hoàn màu: $\geq 70\text{Ra}$ - Quang thông $\geq 3000 \text{ Lm}$ - Tính năng chống nước: IP 65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Bộ	22		
12	Bộ đèn Pha LED 100W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất 90W - 110W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 100 \text{ lm/W}$ - Độ hoàn màu: $\geq 70\text{Ra}$ - Quang thông $\geq 5000 \text{ Lm}$ - Tính năng chống nước: IP 65 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	Bộ	1		
13	Bộ đèn LED T5 0,6m	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 7W - 9W - Kích thước bóng: $\geq 600\text{mm} \pm 20$	Bộ	352		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Quang thông: $\geq 600\text{Lm}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 80\text{Ra}$ - Ánh sáng trắng: $\geq 6500\text{K}$ - Tuổi thọ: ≥ 15.000 giờ chiếu sáng				
14	Bộ đèn quang hợp 100W	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 30W - 100W - Hiệu suất: $\geq 85 \text{ lm/W}$ - Góc chiếu: $\geq 160^\circ$ - Quang thông: $\geq 50.000 \text{ Lm}$ - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Đầu đèn: E27 - Kích thước: $(122 \times 122 \times 192 \text{ mm}) \pm 2$	Bộ	2		
15	Đèn để bàn 4.5W	- Công suất: 4,5W - 5.5W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500 \text{ K}$ - Quang thông: 150 Lm - 350 Lm - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ - Kích thước Cần đèn: $28\text{cm} \pm 2$; Chiều cao: $29\text{cm} \pm 2$	Bộ	22		
16	Đèn LED $\Phi 110$ ánh sáng vàng (Hội trường)	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 10W - 12W - Quang thông: $\geq 977 \text{ Lm}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 80 \text{ Ra}$ - Ánh sáng trắng: $\geq 6500\text{K}$ - Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ - Lỗ khoét: $\Phi 110 \text{ mm} \pm 2$ - Kích thước: $(\Phi 142 \times \text{H } 35\text{mm}) \pm 2$	Bộ	11		
17	LED panel 600x600	- Điện áp: 200VAC - 240VAC/50Hz - Công suất 40W - 45W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500\text{K}$ - Độ hoàn màu: $\geq 80 \text{ Ra}$	Bộ	30		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Hiệu suất: $\geq 110\text{lm/W}$ - Quang thông: $\geq 4000\text{ Lm}$ - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ - Chất liệu: tản nhiệt nhôm hợp kim - Kích thước: $(602 \times 602 \times 10\text{ mm}) \pm 2$				
18	Cáp 1xC1,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm^2 - Cấp điện áp $U_0/U: \geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$	mét	1500		
19	Cáp 1x3C1,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: $1.5\text{mm}^2/1$ sợi - Cấu tạo: 3 sợi, có 1 sợi xanh sọc vàng - Cấp điện áp $U_0/U: \geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$	mét	1100		
20	Cáp 1xC2,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 2.5mm^2 - Cấp điện áp $U_0/U: \geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$	mét	3000		
21	Cáp 1xC4mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 4.0mm^2 - Cấp điện áp $U_0/U: \geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$	mét	3300		
22	Cáp 1xC6mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 6.0mm^2 - Cấp điện áp $U_0/U: \geq 0.6/1\text{KV}$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$	mét	1700		
23	Cáp chống cháy 1x1,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 1.5mm^2 - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1.4\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ\text{C}$	mét	1200		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1, TCVN 6612/ IEC 60228				
24	Cáp điện thoại 2x2x0,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: $\geq 0.5\text{mm}^2$ - Cấu tạo: 2 đôi dây (4 sợi) - Hình dạng: dẹp	mét	1100		
25	Công tắc đơn 1 chiều 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16\text{A}$ - Cách đấu dây: ghim (Cắm nhanh) - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng - Bột tắt: có ký hiệu - Kích thước DxRxH: 40x22.7x25.7 (mm)	Cái	73		
26	Box vuông âm 80x80x42.5mm	- Kích thước: 80 x 80 x 42.5 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	Cái	92		
27	Box vuông nổi 120x115x35mm	- kích thước: 120 x 115 x 35 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	Cái	132		
28	Box vuông âm 150x150x42.5mm	- kích thước: 150 x 150 x 42.5 mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp, chống cháy	Cái	20		
29	Mặt lắp 1 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế vuông đơn - Sản phẩm: dùng cho 1 thiết bị (kích thước 40x22.7x25.7 (mm)) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài 86x86 (mm); trong 36.5x23.2 (mm)	Cái	66		
30	Mặt lắp 2 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế vuông đơn - Sản phẩm: dùng cho 2 thiết bị (kích thước 40x22.7x25.7 (mm)) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng	Cái	80		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Kích thước: ngoài 86x86 (mm); trong 36.5x46.2 (mm)				
31	Mặt lắp 3 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế vuông đơn - Sản phẩm: dùng cho 3 thiết bị (kích thước 40x22.7x25.7 (mm)) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài 86x86 (mm); trong 36.5x69.2 (mm)	Cái	106		
32	Mặt lắp 6 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế đôi - Sản phẩm: dùng cho 6 thiết bị (kích thước 40x22.7x25.7 (mm)) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài 116x120 (mm); trong 2 ô: 36.5x69.2 (mm)	Cái	106		
33	Ổ cắm điện đôi 3 chấu 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16A$ - Chất liệu: nhựa, đồng - Cách đấu dây: ghim (Cắm nhanh) - Màu sắc: trắng - Màn che bảo vệ: có - Kích thước: DxRxC: 68.7x38x30.7 (mm)	Cái	286		
34	Ổ cắm điện di động 5 vị trí cắm 1 công tắc	- Chiều dài cáp 3m, Vỏ dây điện cấu tạo 2 lớp - Sử dụng chất liệu tiêu chuẩn TIS - Loại 5 ổ cắm 3 chấu, có màn che - 1 công tắc phụ - Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 16A$	Cái	22		
35	Phích cắm điện 3 chấu 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 20A$	Cái	132		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
36	Ống PVC Ø20 2,92m/Cây	- Chiều dài: $\geq 2.92\text{m}$ - Đường kính ngoài: 20mm - Độ dày: $\geq 1.9\text{mm}$ - Chất liệu: PVC - Lực nén: $\geq 1250\text{N}$ - Màu sắc: trắng	Cây	176		
37	Ống PVC Ø25 2,92m/Cây	- Chiều dài: $\geq 2.92\text{m}$ - Đường kính ngoài: 25mm - Độ dày: $\geq 1.9\text{mm}$ - Chất liệu: PVC - Lực nén: $\geq 1250\text{N}$ - Màu sắc: trắng	Cây	66		
38	Ống ruột gà Ø20 40m/cuộn	- Chiều dài: 40m/cuộn - Đường kính: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	cuộn	26		
39	Ống ruột gà Ø25 40m/cuộn	- Chiều dài: 40m/cuộn - Đường kính: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	cuộn	20		
40	Rắc co Ø20 100 cái/gói	- Đường kính trong: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	4		
41	Rắc co Ø25 100 cái/gói	- Đường kính trong: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	2		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
42	Nối ống Φ20 100 cái/gói	- Đường kính trong: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	4		
43	Nối ống Φ25 100 cái/gói	- Đường kính trong: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	2		
44	Nối ống Φ32 100 cái/gói	- Đường kính trong: 32mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	1		
45	Kẹp ống Φ20 100 cái/gói	- Tên gọi khác: kẹp chữ C - Đường kính trong: 20mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	6		
46	Kẹp ống Φ25 100 cái/gói	- Tên gọi khác: kẹp chữ C - Đường kính trong: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói	Gói	4		
47	Máng đèn Led 1,2m	- Loại: máng đèn đơn 1.2 mét, T8 - Chất liệu: sắt và nhựa sơn tĩnh điện.	Cái	84		
48	Contactơ 3P 9A (AC3)	- Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp hệ thống: 380V, 50Hz. - Dòng điện định mức: 9A - Tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Cái	4		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
49	Contacto 3P 12A (AC3)	- Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp hệ thống: 380V, 50Hz. - Dòng điện định mức: 12A - Tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Cái	4		
50	Contacto 3P 25A (AC3)	- Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp hệ thống: 380V, 50Hz. - Dòng điện định mức: 25A - Tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Cái	4		
51	Contacto 3P 32A (AC3)	- Điện áp cuộn dây: 220VAC - Điện áp hệ thống: 380V, 50Hz. - Dòng điện định mức: 32A - Tiếp điểm phụ: 1NO, 1NC	Cái	4		
52	MCB 1P 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 16A - Số cực: 1P - Dòng cắt: ≥ 6 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	13		
53	MCB 2P 25A	- Điện áp định mức: 400VAC - 450VAC - Dòng điện định mức: 25A - Số cực: 2P - Dòng cắt: ≥ 6 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	5		
54	MCB 3P 16A	- Điện áp định mức: 400VAC - 450VAC - Dòng điện định mức: 16A - Số cực: 3P	Cái	5		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Dòng cắt: ≥ 6 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng				
55	ELCB 2P 20A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 20A - Dòng rò: ≤ 30mA - Số cực: 2P - Dòng cắt: ≥ 4.5 kA - Đường cong đặt tính: C - Chất liệu: nhựa, Đồng - Màu sắc: trắng	Cái	5		
56	MCB 3P 100A	- Điện áp định mức: 440VAC - 500VAC - Dòng điện định mức: 100A - Dòng cắt ngắn mạch: ≥ 25 KA - Số cực: 4P - Chất liệu: nhựa, Đồng	Cái	1		
57	Relay 4 tiếp điểm 220VAC 2A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: 6A - Số chân: 14 - Số tiếp điểm: 4NO, 4NC	Cái	15		
58	Cuộn coil solenoid dùng cho tưới cây	- Điện áp: 220VAC - 240VAC. 50Hz - Dòng điện định mức: ≤ 60 mA - Công suất: 4VA - 6VA - Dây quấn cuộn coil: đồng - Sử dụng được các cỡ ống $\varnothing 21$, $\varnothing 27$, $\varnothing 34$	Cái	13		
59	Timer 24 giờ	- Điện áp hoạt động: 220VAC - 250VAC, 50Hz - Công suất: ≥ 2500W - Hẹn giờ: 17 lần ON và 17 lần OFF	Cái	9		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Chế độ: tự động, mở và tắt - Tích hợp pin dự phòng cho chương trình thời gian				
60	Timer 60 phút	- Loại 8-chân - Nguồn cấp: 100VAC - 240VAC, 50Hz/60Hz - Ngõ ra role DPDT - Thang đo: 0.05s ~ 30h - Kích thước DxR: 48mm x 48mm - Tiêu chuẩn: UL, CSA, EN	Cái	4		
61	Bo mạch nguồn 12VDC 5A không vỏ (dùng cho đèn exit)	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: $\geq 5A$ - Bảo vệ quá tải ngõ ra: có - Công suất: $\geq 50W$ - Chỉ có mạch nguồn, không có vỏ	Bộ	50		
62	Bộ nguồn 12VDC 5A (dùng cho đèn bảng hiệu)	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: $\geq 5A$ - Bảo vệ quá tải ngõ ra: có - Công suất: $\geq 50W$	Bộ	40		
63	Bộ nguồn 12VDC 50A	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: $\geq 50A$ - Bảo vệ quá tải ngõ ra: có - Công suất: $\geq 600W$	Bộ	4		
64	Quạt hút giải nhiệt tủ điện 200x200	- Điện áp: 220VAC - 240VAC. 50Hz/60Hz - Dòng điện: $\geq 0.45 A$ - Công suất: $\geq 70 W$ - Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút - Lưu lượng gió: ≥ 285 CFM ($\sim 484.5 m^3/h$)	Cái	11		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Độ ồn: ≤ 60 dB - Kích thước: 200mm x 200mm				
65	Tủ điện 6 module	- Kích thước: 257mm x 244mm x 98mm - Số đường: 06 đường - Chất liệu: kim loại - Loại: Âm tường - Cấp độ chống va đập cơ khí: IK07 - Độ cách ly điện: Cấp 2	Bộ	11		
66	Rơ le nhiệt điện tử 3-30A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 3 ... 30 (A)	Cái	2		
67	Rơ le nhiệt 4-6A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chip xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 4 ... 6 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	Cái	4		
68	Rơ le nhiệt 5.5-8A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 5.5 ... 8 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	Cái	4		
69	Rơ le nhiệt 9-13A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV	Cái	4		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Dải dòng điện cài đặt: 9...13 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm				
70	Rơ le nhiệt 0.63-1A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 0.63...1 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	Cái	4		
71	Rơ le nhiệt 1-1.6A	- Điện áp điều khiển: 200VAC - 240VAC - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chịu xung định mức: 6kV - Dải dòng điện cài đặt: 1...1.6 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	Cái	4		
72	Hạt điện thoại	- Chức năng: ổ cắm điện thoại - Màu sắc: trắng	Cái	30		
73	Đầu RJ45 CAT6 100 cái/gói	- Chủng loại: RJ45 - Chuẩn: CAT 6 - Chân tiếp xúc: hợp kim đồng	Gói	1		
74	Đầu RJ11 bấm dây xoắn, tai nghe 100 cái/gói	- Chủng loại: RJ11 - Chân tiếp xúc: hợp kim đồng	Gói	3		
75	Loa âm trần 6W	- Điện áp định mức: 100V - Công suất tối đa: 9W - Công suất định mức: 6W - Nhiệt độ làm việc: -25°C đến 55°C - Độ ẩm làm việc: < 95% - Đường kính loa: Ø 216mm - Đường kính lỗ khoét: Ø 196mm	Cái	4		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Màu sắc: trắng - Chứng nhận: EN 54-24				
76	Micro không dây	- Kiểu micro: micro tụ điện đơn hướng - Dải tần số sóng mang: 576MHz - 865MHz - Số kênh: 64 kênh - Công suất cao tần: $\leq 50\text{mW}$ - Đầu vào tối đa: 126dB SPL (độ nhạy micro) - Đáp tuyến tần số: 100Hz - 15kHz - Đèn báo: đèn nguồn, pin - Loại pin: pin AA - Nhiệt độ làm việc: -10°C đến 50°C - Độ ẩm làm việc: 30% đến 85% - Tiêu chuẩn EMC: EN 301 489-1 V1.8.1: EN 301 489-9 V1.4.1 - Sản phẩm: tương thích với bộ thu Toa WM-5800	Cái	6		
77	Bộ thu UHF micro không dây	- Điện áp: 120VAC - 240VAC - Dòng điện tiêu thụ: 200 mA - 260 mA (12V DC) - Tần số thu: 636 MHz - 698 MHz (UHF) - Số kênh: 64 kênh - Ngõ ra âm thanh: -60dB (MIC). -20dB (LINE) - Ngõ vào anten: 75 Ω, BNC - Ngõ ra anten: 75 Ω, BNC - Đáp ứng tần số âm thanh: 100 Hz - 15 KHz - Nhiệt độ làm việc: -10°C đến 50°C - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: đen - Sản phẩm: tương thích với micro Toa WM-5225	Bộ	2		
78	Bộ anten chuyển tiếp UHF cho micro	- Điện áp: 7VDC - 12VDC - Dòng điện: $\leq 15\text{mA}$	Bộ	1		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
		- Tần số thu: 550MHz - 930MHz, UHF - Độ lợi: $\geq 8\text{dB}$ - Trở kháng ngõ ra: 75Ω - Chất liệu: nhựa, trắng - Sản phẩm: tương thích với bộ thu Toa WM-5800				
79	Power Amplifier 4 kênh x 500W	- Điện áp: 220VAC - 240VAC, 50/60Hz - Công suất: $\geq 2350\text{W}$, ngõ ra định mức 4 kênh x 100V line, 20Ω - Đầu vào: 4 kênh - Đầu ra: 4 kênh x 500W - Đáp ứng tần số âm thanh: 50Hz - 20KHz - Bảo vệ: ngắn mạch, quá tải - Đèn báo: báo nguồn, đầu vào, đầu ra, đình - Nhiệt độ làm việc: -10°C đến 40°C - Kích thước sản phẩm: 482 x 88.4 x 404.2 mm (R x C x D) - Chất liệu sản phẩm: vỏ nhôm - Màu sắc: đen	Cái	1		
80	Micro bàn dùng cho hệ thống PA	- Điện áp: 20VDC - 30VDC - Ngõ ra: 600Ω, - Kết nối được với: FS-7000CP - Đáp ứng tần số âm thanh: 100Hz - 20KHz - Điều khiển ngõ ra: 10 vùng	Bộ	1		
81	Bộ micro và loa cầm tay	- Điện áp: 9VDC - Dòng điện tiêu thụ: $\leq 450\text{mA}$ - Công suất: $\leq 15\text{W}$ - Đáp ứng tần số âm thanh: 100Hz - 10kHz - Sản phẩm bao gồm: micro đeo tai, dadaptor AC-DC 220VAC - 9VDC	Bộ	5		
82	Bộ xử lý tín hiệu kỹ	- Điện áp: 100VAC - 240VAC, 50/60Hz	Bộ	2		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
	thuật số	- Công suất: $\leq 45W$: - Đáp ứng tần số âm thanh: 20 Hz - 20 KHz - Tần số mẫu: 48 KHz - Chuyển đổi A/D và D/A: ≥ 24bit - Tần số méo hài: $\leq 0.05\%$ ở 1 kHz - Đầu vào: 2 kênh cân bằng - Đầu ra: 6 kênh, phối hợp trở kháng: 600 Ω				
83	Dây xoắn điện thoại (dây tai nghe) (R22 - 4p4c)	- Cổng kết nối: RJ11 - Chiều dài danh định: 35cm - 45cm - Chiều dài lúc kéo dẫn: $\geq 1.5m$ - Màu sắc: đen hoặc trắng	Sợi	100		
84	Điện thoại bàn	- Kiểu điện thoại: Cố định treo tường hoặc để bàn - Bộ nhớ Chức năng: gọi lại số gần nhất. - Âm thanh: có nút chỉnh âm thanh - Chuông: có nút chỉnh to nhỏ - Màu sắc 2 màu: Trắng hoặc đen	Cái	100		
85	Điện thoại bàn có màn hình hiển thị	- Màn hình hiển thị LCD - Cho phép hiển thị số điện thoại gọi đến, gọi đi - Lịch sử cuộc gọi: Lưu được ≥ 50 số - Có thể quay lại số (Redial) cuộc gọi gần nhất. - Có chức năng chuyển máy - Có thể để bàn hoặc treo tường. - Màu sắc: Đen hoặc Trắng.	Cái	3		
86	Điện thoại bàn không dây	- Kiểu điện thoại: điện thoại bàn không dây - Thời gian chờ ≥ 180 giờ - Thời gian thoại: ≥ 10 giờ - Bộ nhớ: ghi được ≥ 50 tên và số - Màu sắc: đen hoặc trắng	Cái	2		
87	Bộ bấm số thứ tự	- Bàn số tiêu chuẩn 10 chữ số (0..9), 6 phím chức năng (Enter,	Bộ	5		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
	(QMS)	Cancel, F1..F4) - Bảng LED hiển thị số gồm 6 led 7 đoạn - Kết nối bộ hiển thị bằng cổng RJ45 - Sản phẩm: tương thích với bộ hiển thị				
88	Bộ hiển thị số thứ tự (QMS)	- Bảng LED hiển thị bốn chữ số - Kích thước LED: 48mm x 70mm (R x D) - Kết nối bộ bấm số và Hub bằng cổng RJ45 - Sản phẩm: tương thích với bộ bấm số thứ tự và Hub	Bộ	5		
89	Hub QMS 16 cổng	- Bộ xử lý trung tâm gồm: 16 cổng RJ45 - Bộ xử lý trung tâm có thể lập trình - Kết nối máy tính bằng cổng RS232 - Kết nối bộ hiển thị bằng cổng RJ45 - Sản phẩm tương thích với bộ hiển thị số thứ tự - Sản phẩm bao gồm: bộ nguồn 12VDC 10A. Bộ timer chỉnh giờ, chỉnh thời gian tắt mở thiết bị	Bộ	1		
96	Công tắc áp suất máy hút chân không khu B	- Nguồn điện sử dụng: 220Vac-240Vac - Dải áp suất: 0 đến (-1) bar - Kết nối: dạng ren, đường kính ống 21mm - Nguyên lý hoạt động: khi áp suất âm tăng lên đến giá trị cài đặt sẽ tác động tiếp điểm để gọi máy hút chạy. Khi máy chạy áp suất âm giảm xuống đến giá trị cài đặt sẽ tác động tiếp điểm để máy hút dừng - Kiểu: dạng đồng hồ, có 1 kim cài đặt ngưỡng chạy máy, 1 kim cài đặt ngưỡng dừng máy, 1 kim theo dõi áp suất tức thời	Cái	1		
97	Van điều áp cho máy nén khí khu B	- Khả năng chịu áp: 15 bar - Khả năng điều áp: 0,5-8 bar - Vật liệu: nhôm hợp kim - Kết nối: dạng ren, đường kính ống 21 mm	Cái	1		
98	Bơm nước giải nhiệt	- Nguồn điện: 220Vac-240Vac	Cái	2		

STT	Danh mục	Đặt tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND) có VAT	Thành tiền (VND) có VAT
	máy hút chân không khu B	- Công suất điện: 20W - Lưu lượng: 1400 lít/giờ - Chiều cao cột áp: 1,2m - Loại bơm: bơm chìm				
99	Van xả nước tự động máy nén khí khu B	- Nguồn điện: 220Vac-240Vac - Áp suất tối đa: 10 bar - Chu kỳ xả: 0,5 đến 45 phút (cài đặt) - Thời gian xả: 0,5 đến 10 giây (cài đặt) - Kết nối: dạng ren, đường kính ống 21mm - Vật liệu: Thân van bằng đồng thau	Cái	1		
	Tổng cộng đã bao gồm VAT					

Báo giá này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký

Ngày ... tháng năm 2022

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)